

Bản án số: 01/2025/KDTM-PT  
Ngày: 26-3-2025  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Thành Trung

**Các Thẩm phán:** Ông Đặng Văn Hùng

Ông Trần Văn Lực

**Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2024/KDTM-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1);

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý. Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho ông Vương Lê Vĩnh N, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ và ông Đặng Minh T1, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, theo văn bản ủy quyền số: 33612/2024/UQN-PGD ngày 10 tháng 12 năm 2024 (có mặt ông Đặng Minh T1);

Địa chỉ: Tầng A, số E - E T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

**Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:** Công ty Cổ phần M;

Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà C, Số B T, Y, Cầu G, Hà Nội.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Hoàng Anh T2, chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Ngọc D1, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ. Ông Võ Ngọc D1 ủy quyền lại cho ông Vương Lê Vĩnh N, chức vụ: TBP XLN và ông Đặng Minh T1, chức vụ Chuyên viên XLN, theo văn bản ủy quyền số: 12108/2024/UQ-XLN-JUPITERMN ngày 21 tháng 8 năm 2024 (có mặt ông Đặng Minh T1).

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần X;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Phạm Thị Thủy T3; chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần X:* Bà Hồ Kim H, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Số E Khóm C, Phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 11 năm 2024.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH H2;

Địa chỉ: Số E M, Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Phạm Thị Thủy T3, chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

2. Ông Lê Tôn D2, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A Hồ T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Phạm Thị Thủy T3, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1964 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

5. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1965 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số E Khóm I, Phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

6. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Y, huyện B, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H1:* Ông Hà Trọng T5, sinh năm 1985; Địa chỉ: A, Tổ B, Khu phố B, T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 8 năm 2024. (vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Đức D3, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Căn hộ A Lô B-CC T, Tổ dân phố A, Khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Phạm Thị Kim T6, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Công ty cổ phần X là bị đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Đặng Minh T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:* Công ty cổ phần X (sau đây gọi tắt là Công ty X) có vay vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là V1) theo Hợp đồng cho vay hạn mức EKH/21042 ngày 20 tháng 08 năm 2021

và Hợp đồng cho vay hạn mức EKH/22082 ngày 11 tháng 10 năm 2022 nội dung cụ thể các lần giải ngân như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: EKH/21042-20 (LD2220900697), số tiền vay/hạn mức vay: 7.344.000.000 đồng, lãi suất/năm: Thả nổi, thời hạn vay: 04 tháng (từ ngày 28 tháng 7 năm 2022 đến ngày 28 tháng 11 năm 2022), mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ kinh doanh xăng dầu.

- Hợp đồng tín dụng số: EKH/22082-01 (LD2228501055), số tiền vay/hạn mức vay: 10.000.000.000 đồng, lãi suất/năm: Thả nổi, thời hạn vay: 04 tháng (từ ngày 12 tháng 10 năm 2022 đến ngày 12 tháng 02 năm 2023), mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ kinh doanh xăng dầu.

- Hợp đồng tín dụng số: EKH/22082-02 (LD2228601074), số tiền vay/hạn mức vay: 9.778.500.000 đồng, lãi suất/năm: Thả nổi, thời hạn vay: 04 tháng (từ ngày 13 tháng 10 năm 2022 đến ngày 13 tháng 02 năm 2023), mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ kinh doanh xăng dầu.

- Hợp đồng tín dụng số: EKH/22082-03 (LD2228701025), số tiền vay/hạn mức vay: 9.890.000.000 đồng, lãi suất/năm: Thả nổi, thời hạn vay: 04 tháng (từ ngày 14 tháng 10 năm 2022 đến ngày 14 tháng 02 năm 2023), mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ kinh doanh xăng dầu.

- Hợp đồng tín dụng số: EKH/22082-04 (LD2229001851), số tiền vay/hạn mức vay: 9.959.000.000 đồng, lãi suất/năm: Thả nổi, thời hạn vay: 04 tháng (từ ngày 17 tháng 10 năm 2022 đến ngày 17 tháng 02 năm 2023), mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ kinh doanh xăng dầu.

- Hợp đồng tín dụng số: EKH/22082-05 (LD2229101526), số tiền vay/hạn mức vay: 5.501.600.000 đồng, lãi suất/năm: Thả nổi, thời hạn vay: 04 tháng (từ ngày 18 tháng 10 năm 2022 đến ngày 18 tháng 02 năm 2023), mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ kinh doanh xăng dầu.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, V1 đã ký kết các hợp đồng thế chấp như sau:

- Hợp đồng thế chấp số công chứng 7560 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa V1 với ông Lê Tôn D2 và bà Phạm Thị Thủy T3. Tài sản bảo đảm gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số 26, địa chỉ ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 084150, số vào sổ cấp GCN CS05753 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26 tháng 10 năm 2017.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 324, tờ bản đồ số 26, địa chỉ ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 0410455, số vào sổ cấp GCN CS05873 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày

09 tháng 02 năm 2018, đăng ký gia hạn thời gian sử dụng đất lần cuối ngày 29 tháng 7 năm 2020.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 325, tờ bản đồ số 26, địa chỉ ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 277749, số vào sổ cấp GCN CS05902 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 09 tháng 3 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 326, tờ bản đồ số 26, địa chỉ ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 277750, số vào sổ cấp GCN CS05903 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 09 tháng 3 năm 2018, đăng ký thay đổi mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất ngày 21 tháng 3 năm 2018.

- Hợp đồng thế chấp số công chứng số 3244 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa V1 với ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị T4. Tài sản bảo đảm gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 719, tờ bản đồ số 11, địa chỉ ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 147606, số vào sổ cấp GCN CH00049-CL-L1 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2010, đăng ký gia hạn thời gian sử dụng đất ngày 09 tháng 8 năm 2017, đăng ký thay đổi mục đích sử dụng đất lần cuối ngày 11 tháng 9 năm 2018, đăng ký thay đổi chủ sở hữu/sử dụng lần cuối ngày 19 tháng 9 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2078, tờ bản đồ số 11, địa chỉ ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 147607, số vào sổ cấp GCN CH00050-CL-L1 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2010, đăng ký thay đổi chủ sở hữu/sử dụng lần cuối ngày 19 tháng 9 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 3387, tờ bản đồ số 11, địa chỉ ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 189040, số vào sổ cấp GCN CS04442 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 09 tháng 01 năm 2019, đăng ký thay đổi chủ sở hữu/sử dụng lần cuối ngày 05 tháng 3 năm 2019.

- Hợp đồng thế chấp số công chứng số 005474 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa V1 với ông Lê Tôn D2: Tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 76+77, tờ bản đồ số 03, địa chỉ Số A đường H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB032969, số vào sổ cấp H03080/01 do Ủy ban nhân dân Quận

A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi chủ sở hữu/sử dụng lần cuối ngày 20 tháng 11 năm 2006.

- Hợp đồng thế chấp số công chứng số 2617 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa V1 với Công ty TNHH H2 có ông Nguyễn Thành L làm đại diện. Tài sản bảo đảm gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 54, địa chỉ ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 333923, số vào sổ cấp CT04272 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 09 tháng 01 năm 2019.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 54, địa chỉ ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 333924, số vào sổ cấp CT04273 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 09 tháng 01 năm 2019.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 54, địa chỉ ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 333925, số vào sổ cấp CT04274 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 09 tháng 01 năm 2019.

- Hợp đồng thế chấp số công chứng số 3538 quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07 tháng 10 năm 2020 giữa V2 với ông Lê Tôn D2, bà Phạm Thị Thủy T3. Tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 182, tờ bản đồ số 50, địa chỉ Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 034691, số vào sổ cấp CH001824 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 04 tháng 3 năm 2011, đăng ký thay đổi chủ sở hữu/sử dụng lần cuối ngày 04 tháng 8 năm 2017.

- Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Phạm Thị Thủy T3, bà Phạm Thị Kim T6, ông Lê Văn H1, ông Nguyễn Đức D3 theo Hợp đồng bảo lãnh EKH/22083 ngày 11 tháng 10 năm 2022.

+ Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Công ty X đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ, khoản vay đã chuyển nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, bà Phạm Thị Thủy T3 có đề xuất nộp số tiền 8.500.000.000 đồng giải chấp một phần tài sản thế chấp nêu trên và được Ngân hàng đồng ý. Tài sản giải chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 182, tờ bản đồ số 50, địa chỉ Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 034691, số vào sổ cấp CH001824 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 04 tháng 3 năm 2011, đăng ký thay đổi chủ sở hữu/sử dụng lần cuối ngày 04 tháng 8 năm 2017.

Ngày 29 tháng 6 năm 2024, V1 đã bán khoản nợ của Công ty X sang Công ty cổ phần M (sau đây gọi tắt là J) theo Hợp đồng mua bán nợ số 03/2024/VPB-JUPITER. Căn cứ vào quy định của pháp luật, J kế thừa quyền, nghĩa vụ của V1 phát sinh từ các hợp đồng tín dụng và các biện pháp bảo đảm kèm theo tương ứng với phần khoản nợ bán cho J. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V1 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho J.

Số tiền nợ gốc Công ty X đã thanh toán tính đến ngày 18 tháng 12 năm 2024 là 8.500.189.955 đồng, tiền lãi đã thanh toán tính đến ngày 18 tháng 12 năm 2024 là 800.093.675 đồng.

Số tiền Công ty X còn nợ V1 và J tạm tính đến ngày 18 tháng 12 năm 2024 là 64.336.948.982 đồng. Trong đó nợ gốc là 43.972.910.046 đồng, nợ lãi là 20.364.038.936 đồng. Căn cứ theo tỷ lệ phân chia công nợ thì Công ty X nợ V1 số tiền 6.433.694.899 đồng. Trong đó nợ gốc là 4.397.291.005 đồng, nợ lãi là 2.036.403.894 đồng. Công ty X nợ Jupiter số tiền 57.903.254.084 đồng. Trong đó nợ gốc là 39.575.619.041 đồng, nợ lãi là 18.327.635.044 đồng.

Nay Ngân hàng V1 và công ty M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc Công ty X phải thanh toán cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 18 tháng 12 năm 2024 là 6.433.694.898 đồng. Trong đó nợ gốc là 4.397.291.005 đồng, nợ lãi là 2.036.403.893 đồng.

Kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2024 trở đi Công ty X còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn, lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

- Buộc Công ty X phải thanh toán cho J số tiền tạm tính đến ngày 18 tháng 12 năm 2024 là 57.903.254.084 đồng. Trong đó nợ gốc là 39.575.619.041 đồng, nợ lãi là 18.327.635.043 đồng.

Kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2024 trở đi Công ty X còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn, lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho J.

Trường hợp Công ty X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì V1 và J có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

Trong trường hợp sau khi kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán toàn bộ dư nợ thì bà Phạm Thị Thủy T3, bà Phạm Thị Kim T6, ông Lê Văn H1, ông Nguyễn Đức D3 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay Công ty X theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

*Theo lời khai bà Hồ Kim H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ý kiến như sau:* Phía Công ty X thống nhất với khoản nợ như nguyên đơn đã trình bày là 64.336.948.982 đồng. Trong đó nợ gốc là 43.972.910.046 đồng, nợ lãi là 20.364.038.936 đồng. Do ảnh hưởng của dịch C - 19 và do làm ăn không hiệu quả

nên Công ty X chưa hoàn thành được nghĩa vụ trả nợ. Nay Công ty X cũng thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn nhưng do Công ty X hiện gặp khó khăn về tài chính, đang tái cơ cấu lại hoạt động kinh doanh nên đề nghị cho bị đơn được thanh toán tiền nợ gốc. Đối với tiền lãi thì Công ty X đề nghị nguyên đơn được miễn, giảm số tiền này.

*Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2024/KDTM-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tuyên xử:*

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Buộc Công ty cổ phần X trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền 6.433.694.898 đồng. Trong đó nợ gốc là 4.397.291.005 đồng, nợ lãi là 2.036.403.893 đồng

Buộc Công ty cổ phần X trả cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền 57.903.254.084 đồng. Trong đó nợ gốc là 39.575.619.041 đồng, nợ lãi là 18.327.635.043 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên việc xử lý tài sản thế chấp, tiền án phí nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/12/2024 Công ty cổ phần X kháng cáo xin được hưởng chế độ miễn giảm tiền lãi 20.364.038.936 đ do ảnh hưởng của dịch Covid 19.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

- *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2024/KDTM-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn xin hoãn phiên tòa lý do bị bệnh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin hoãn phiên tòa để có thời gian cơ cấu lại hoạt

động sản xuất. Xét thấy bà Phạm Thủy T3 là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần X ngày 17/3/2025 bà Thủy T3 đã làm giấy ủy quyền cho bà Hồ Kim H tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Đây là phiên tòa mở lần thứ hai bị đơn có người đại diện ủy quyền, việc vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của bị đơn nên căn cứ Điều 294, 295 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét kháng cáo Công ty cổ phần X xin miễn tiền lãi theo Điều 5 chương II Thông tư 01/2020 TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân hàng N1.

Bà Phạm Thị Thủy T3 là người đại diện của Công ty cổ phần X thừa nhận năm 2022 có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 52.473.100.000 đồng để đầu tư kinh doanh mặt hàng dầu khí. Đến ngày 24/01/2024 có trả được tiền vốn 8.500.189.955 đồng và 800.093.675 đồng tiền lãi. Khi vay có thế chấp tài sản như nguyên đơn khởi kiện trình bày. Do ảnh hưởng của dịch C -19 nên công ty kinh doanh bị thua lỗ nên không trả được vốn lãi cho ngân hàng.

Thông Tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân Hàng N1 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona (C - 19). Thông tư này chỉ áp dụng cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; cho vay tiêu dùng. Không áp dụng cho mục đích kinh doanh nên việc Công ty cổ phần X yêu cầu miễn tiền lãi theo Điều 5 của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại Điều 6 của Hợp đồng cho vay hạn mức có quy định: “*Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và xem xét lại hạn mức cho vay*”

*1. Trước ngày đến hạn của các Kỳ trả nợ gốc và/hoặc lãi ít nhất là 10 ngày, nếu Bên vay do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn, Bên vay có thể gửi văn bản đề nghị Bên Ngân hàng xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ.*

*2. Bên Ngân hàng trên cơ sở xem xét khả năng tài chính của mình và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của Bên vay có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên vay. Nếu Bên vay được Bên Ngân hàng đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ”.*

Sau khi vay đến hết thời hạn trả nợ vay bên Công ty cổ phần X không có đề nghị ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ cũng như xin xem xét miễn, giảm tiền lãi còn nợ lại.

Theo đại diện ngân hàng V1 tại Tòa án sau khi vay bên Công ty cổ phần X không có văn bản đề nghị xem xét cơ cấu lại thời gian trả nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn không chấp nhận giảm lãi, khi thi hành án bên bị đơn trả xong nợ thì mới xem xét việc giảm tiền lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.



Từ các quy định trên xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần X.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của Công ty cổ phần X không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần X.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/KDTM-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

Buộc Công ty cổ phần X trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền 6.433.694.898 đồng. Trong đó nợ gốc là 4.397.291.005 đồng, nợ lãi là 2.036.403.893 đồng

Buộc Công ty cổ phần X trả cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền 57.903.254.084 đồng. Trong đó nợ gốc là 39.575.619.041 đồng, nợ lãi là 18.327.635.043 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần X phải chịu 2.000.000 đồng. Công ty cổ phần X đã nộp 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001262 ngày 02/01/2025 nên miễn trừ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Trung**